TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 89/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12/08/2022
V/v: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- TYnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ
2. Bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tùng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 07 và 12 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 về việc: "Hủy kết hôn trái pháp luật" giữa chị N với anh H theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXX- ST ngày 01 tháng 06 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày: Ngày 12/04/2002, chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H. Trước khi kết hôn chị và anh H có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lục Nam, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về nY anh H làm dâu Ny. Quá trình chung sống đến nay chị và anh H không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng sống hạnh phúc. Khi kết hôn chị chưa đủ 17 tuổi nên chị yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H sinh được 02 con chung là Nguyễn Công K, sinh ngày 04/10/2003 và Nguyễn Thanh Y, sinh ngày 03/06/2017. Cháu K đã

trưởng tYnh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Y còn nhỏ, chị có nguyện vọng được nuôi, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị N như chị N trình bày là đúng. Chị N yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Ngô Thị N sinh được hai con như chị N đã trình bày. Anh đồng ý để chị N nuôi cháu Nguyễn Thanh Y.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán cơ bản chấp Ynh đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc thu thập tài liệu, chứng cứ vẫn chưa đầy đủ nên Viện kiểm sát đã có văn bản yêu cầu thu thập bổ sung. Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Do Tòa án chưa thu thập học bạ, chưa xác minh tại cơ sở y tế để xác định ngày tháng năm sinh của chị Ngô Thị N, nên chưa đủ cơ sở xét xử. Vì vậy, Kiểm sát viên không phát biểu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

[2]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 01/06/2022, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 08/06/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam có văn bản đề nghị Tòa án thu thập giấy khai sinh của chị Ngô Thị N để làm rõ ngày tháng năm sinh của chị N; tại phiên tòa ngày 14/07/2022, Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ; ngày 03/08/2022, Tòa án đã tiến Ynh xác minh, thu thập giấy khai sinh của chị N, nH không thu thập được vì Ủy ban nhân dân xã không còn lưu trữ, chị N cũng không cung cấp được cho Tòa án. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như Sổ hộ khẩu, giấy khai sinh các con của chị N, Chứng minh thư nhân dân do Công an tỉnh Bắc Giang cấp cho chị N, việc xác nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ căn cứ xét xử vụ án.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/04/2002, chị Ngô Thị N, sinh ngày 17/03/1985; anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 17/11/1977. Theo Sổ hộ khẩu số 040104818 ngày 17/09/2009 của Công an xã P và Chứng minh thư nhân dân số 121615695 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/04/2016, chị Ngô Thị N, sinh

ngày 17/05/1985. Theo bản sao Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân do đương sự cung cấp thì anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/11/1976. Căn cứ vào đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã xác nhận do các đương sự cung cấp, biên bản xác minh của Tòa án, xác định chị Ngô Thị N, anh Nguyễn Văn H có các ngày tháng năm sinh như trên là một người, hiện đang chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và đã có với nhau 02 con chung là Nguyễn Công K, sinh ngày 04/10/2003 và Nguyễn Thanh Y, sinh ngày 03/06/2017.

[3.2]. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Văn H đều xác nhận chị Ngô Thị N, sinh ngày 17/05/1985 như Chứng minh thư nhân dân là đúng; chị N không cung cấp được bản gốc giấy khai sinh, Tòa án tiến Ynh thu thập chứng cứ nH không thu thập được vì cơ quan chức năng không còn lưu trữ. Căn cứ vào lời khai của các đương sự, chứng minh thư nhân dân thì chị Ngô Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn H khi chưa bước sang tuổi 18 là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Nam nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây: *"1. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên; 2. Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở; 3. Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn quy định tại Điều 10 của Luật này".* Tuy nhiên, chị Ngô Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lục Nam (nay là thị trấn Đồi Ngô) ngày 12/04/2002. Từ khi kết hôn đến nay chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Văn H đã có 02 con chung, vẫn chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tại phiên tòa, chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Văn H đều không yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật như đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, mà đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ ngày chị N đủ tuổi kết hôn là ngày 18/05/2002.

[3.3]. Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi Ynh một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nH sau đó đủ điều kiện kết hôn *"cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn".* Xét yêu cầu của chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Văn H phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Văn H sinh được 02 con chung là Nguyễn Công K, sinh ngày 04/10/2003 và Nguyễn Thanh Y, sinh ngày 03/06/2017. Nay chị Ngô chị N và anh Nguyễn Văn H đều yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nH được trừ vào số tiền chị đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi Ynh một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị N và anh Nguyễn Văn H kể từ ngày 18/05/2002.

2. Về án phí*:* Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nH được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0013511 ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Chi cục thi Ynh án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân TT Đồi Ngô;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân